

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CHỌN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT

Đinh Thị Kim Yến¹

Bùi Ngọc Tuấn Anh²

¹Trường Đại học Đồng Nai

²Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh

*Tác giả liên hệ: Đinh Thị Kim Yến – Email: dinhthikimyen.dni33@gmail.com

(Ngày nhận bài: 16/4/2026, ngày nhận bài chỉnh sửa: 28/4/2026, ngày duyệt đăng: 7/5/2026)

TÓM TẮT

Bối cảnh cạnh tranh trong tuyển sinh đại học tại Việt Nam ngày càng gay gắt đòi hỏi các cơ sở giáo dục phải hiểu rõ động cơ lựa chọn của người học. Dựa trên tổng quan lý thuyết, nghiên cứu đề xuất mô hình gồm sáu yếu tố: cơ hội việc làm, điều kiện học tập, nỗ lực truyền thông, nhóm tham chiếu, danh tiếng nhà trường và học phí. Dữ liệu được thu thập từ 305 sinh viên năm thứ nhất nhưng chỉ có 269 phiếu hợp lệ, thông qua khảo sát bằng bảng hỏi, được phân tích bằng phần mềm SPSS. Kết quả chỉ ra bốn yếu tố có tác động tích cực và có ý nghĩa thống kê đến quyết định chọn trường: (1) cơ hội việc làm trong tương lai ($\beta = 0,303$), (2) điều kiện học tập ($\beta = 0,246$), (3) nỗ lực truyền thông của nhà trường ($\beta = 0,186$), và (4) nhóm tham chiếu ($\beta = 0,154$). Cơ hội việc làm là yếu tố có tác động mạnh nhất. Học phí và danh tiếng nhà trường không cho thấy tác động có ý nghĩa thống kê. Về mặt lý thuyết, nghiên cứu mở rộng mô hình hành vi lựa chọn trường đại học vào bối cảnh một tỉnh đang phát triển tại Việt Nam. Về mặt thực tiễn, kết quả cung cấp các hàm ý giúp nhà trường điều chỉnh chiến lược truyền thông, cải thiện điều kiện học tập và tăng cường kết nối với thị trường lao động nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong tuyển sinh.

Từ khóa: Cơ hội việc làm; điều kiện học tập; nhóm tham chiếu; quyết định chọn trường; sinh viên năm thứ nhất; Trường Đại học Đồng Nai

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam ngày càng phát triển và mở rộng, hoạt động tuyển sinh giữa các cơ sở giáo dục trở nên ngày càng có tính cạnh tranh. Theo số liệu công bố của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 29/4/2025, có 1.162.134 thí sinh đăng ký thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) năm 2025, cho thấy áp lực tuyển sinh rất lớn (Minh Chi, 2025) và phần lớn đều có nhu cầu đăng ký chọn vào các trường đại học. Tính đến tháng 9/2025, hệ thống giáo dục đại học Việt Nam có 238 cơ sở (Linh An, 2026), sự gia tăng về số lượng các trường đại học cũng như sự đa dạng về ngành đào tạo, chương trình học, cơ sở vật chất... giúp sinh viên có nhiều

lựa chọn hơn khi ra quyết định chọn trường đại học, tạo nên một môi trường cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ trong hoạt động tuyển sinh giữa các cơ sở đào tạo. Do đó, việc tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của sinh viên là vấn đề mang tính cấp thiết, góp phần giúp các cơ sở giáo dục nhận biết nhu cầu và hành vi của người học. Kết quả nghiên cứu đo lường được mức độ tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn Trường Đại học Đồng Nai đối với sinh viên năm thứ nhất tại Trường. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đề xuất các kiến nghị giúp Nhà trường triển khai các chính sách tuyển sinh kịp thời và phù hợp với tình hình chung của Trường.

2. Cơ sở lý thuyết và giả thuyết nghiên cứu

2.1. Mô hình chọn trường đại học của Chapman (1981)

Mô hình lựa chọn trường đại học của Chapman (1981) được xem là một trong những mô hình lý thuyết làm nền tảng để giải thích về hành vi chọn trường đại học của người học. Theo Chapman, quyết định chọn trường đại học sẽ bị tác động bởi hai nhóm yếu tố: nhóm đặc điểm nội tại của trường học (danh tiếng, điều kiện học tập, chi phí, cơ hội việc làm) và nhóm yếu tố tác động bên ngoài (người thân: bố mẹ, anh chị, bạn bè, thầy cô giáo THPT, các sinh viên đã và đang học tại trường; sự nỗ lực truyền thông của nhà trường; quảng bá thông tin về trường, tham quan, công tác tuyển sinh...).

2.2. Lý thuyết Hành vi hoạch định (TPB - Theory of Planned Behavior) của Ajzen (1991)

Lý thuyết hành vi hoạch định TPB (Ajzen, 1991) được sử dụng để bổ sung cơ sở lý thuyết giải thích hành vi ra quyết định chọn trường của sinh viên. TPB được cấu thành bởi ba thành phần: thái độ, chuẩn chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi. Trong bối cảnh nghiên cứu, thái độ của sinh viên được thể hiện qua danh tiếng, chi phí, cơ hội việc làm và điều kiện học tập. Chuẩn chủ quan là ảnh hưởng của nhóm tham chiếu, trong khi đó nhận thức kiểm soát hành vi phản ánh mức độ chủ động, khả năng ra quyết định của sinh viên, có thể chịu ảnh hưởng bởi quá trình nỗ lực truyền thông của nhà trường.

2.3. Các khái niệm liên quan

2.3.1 Quyết định

Quyết định là quá trình cá nhân lựa chọn phương án hành động phù hợp nhất trong các phương án thay thế nhằm đạt được mục tiêu mong muốn. Theo Kotler và Keller (2016), đây là một giai đoạn cốt lõi trong tiến trình hành vi, nơi cá nhân đưa ra lựa chọn cụ thể sau khi đánh giá các phương án dựa trên nhu cầu, thông tin và các yếu tố môi trường

xã hội. Bên cạnh đó, quyết định không phải là hành động riêng lẻ mà là kết quả của một tiến trình nhận thức hệ thống; là chuỗi hành vi nối dài từ giai đoạn đánh giá, hình thành ý định đến hành động thực tế (Luu Chí Danh & Lâm Ngọc Lệ, 2018).

2.3.2 Quyết định chọn trường đại học

Quyết định chọn trường đại học được hiểu là một quá trình phức tạp, nhiều giai đoạn, trong đó người học sẽ cân nhắc các lựa chọn và đưa ra quyết định theo học tại một trường đại học cụ thể sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông (Nguyễn Thị Kim Chi, 2018). Tương đồng với quan điểm đó, Trương Trí Thông và Phan Thành Đạt (2024) cho rằng quyết định chọn trường đại học phản ánh lộ trình phát triển của nguyện vọng học tập ở bậc cao hơn, là quyết định chắc chắn trong quyết định dự thi hoặc nhập học vào ngôi trường mà người học cho rằng mình hiểu rõ trong số các phương án dự định. Đối với người học, đây sẽ là một trang sách mới, bắt đầu với môi trường hoàn toàn khác, do đó quyết định chọn trường đại học rất quan trọng.

2.3.3 Khái niệm và đặc điểm của sinh viên năm thứ nhất

Sinh viên năm thứ nhất là những cá nhân vừa hoàn tất hành vi chọn trường và đang trong giai đoạn thích nghi với môi trường mới (Luu Chí Danh & Lâm Ngọc Lệ, 2018). Đây là nhóm đối tượng tối ưu nhờ khả năng hồi tưởng chính xác về quá trình ra quyết định (Nguyễn Thị Kim Chi, 2018). Nguyễn Phước Quý Quang và cộng sự (2021) thì cho rằng sinh viên năm thứ nhất là những người học vừa trải qua kì tuyển sinh và đang theo học năm thứ nhất tại các ngành đào tạo của trường đại học. Lê Thị Thanh Giao và cộng sự (2023) trong công trình nghiên cứu của mình đã sử dụng thuật ngữ “tân sinh viên” để chỉ những người vừa nhập học và bắt đầu chương trình đào tạo chính thức tại trường đại học.

2.4. Phát triển giả thuyết và mô hình nghiên cứu

Danh tiếng nhà trường là sự đánh giá tổng thể của xã hội, người học và thị trường lao động đối với sự uy tín, chất lượng đào tạo và giá trị bằng cấp của một cơ sở giáo dục. Theo Chapman (1981), danh tiếng là đặc điểm nội tại phản ánh vị thế của nhà trường. Danh tiếng tạo nên thái độ tin tưởng cho sinh viên khi đưa ra quyết định chọn trường (Ajzen, 1991). Nguyễn Thị Kim Chi (2018) thì cho rằng danh tiếng là quá trình tích lũy, sự đánh giá bằng thời gian của nhiều nhóm người có tác động qua lại với tổ chức, từ đó tạo nên niềm tin và sự uy tín, giúp người học củng cố quyết định chọn trường. Các nghiên cứu của Nguyễn Thị Kim Chi (2018), Trương Trí Thông và Phan Thành Đạt (2024), Por và cộng sự (2024)... cho thấy yếu tố này có tác động tích cực đến quyết định chọn trường. Do đó, giả thuyết sau được đề xuất:

H1: Danh tiếng nhà trường có tác động tích cực đến quyết định chọn Trường Đại học Đồng Nai của sinh viên năm thứ nhất.

Chi phí là khoản tiền mà người học phải chi trả trong suốt quá trình học tập tại trường, bao gồm học phí và các chi phí sinh hoạt liên quan. Trương Trí Thông và Phan Thành Đạt (2024) xem chi phí là các khoản tài chính mà sinh viên và gia đình phải cân nhắc và lựa chọn kỹ lưỡng. Khi nhà trường có mức chi phí phù hợp sẽ làm tăng khả năng ra quyết định chọn trường cho sinh viên (Ajzen, 1991). Por và cộng sự (2024), Amelia và cộng sự (2025) cũng cho rằng chi phí có tác động mạnh đến quyết định chọn trường. Vì vậy, nghiên cứu thiết lập giả thuyết về mối quan hệ này là:

H2: Chi phí có ảnh hưởng tích cực đến quyết định chọn Trường Đại học Đồng Nai của sinh viên năm thứ nhất.

Điều kiện học tập được hiểu là những yếu tố mà nhà trường tạo ra nhằm hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình học tập của sinh viên. Theo

Chapman (1981), đây là những đặc điểm bên trong mà nhà trường có thể kiểm soát để thu hút người học. Khi điều kiện học tập tốt, sinh viên sẽ đưa ra đánh giá về việc học tại trường mang lại những lợi ích thực tế, từ đó hình thành thái độ chọn trường (Ajzen, 1991). Các nghiên cứu của Lê Thị Thanh Giao và cộng sự (2023), Trương Trí Thông và Phan Thành Đạt (2024), Por và cộng sự (2024) cũng cho rằng điều kiện học tập có tác động tích cực đến quyết định chọn trường của sinh viên. Vì vậy, nghiên cứu hình thành giả thuyết sau:

H3: Điều kiện học tập có ảnh hưởng tích cực đến quyết định chọn Trường Đại học Đồng Nai của sinh viên năm thứ nhất.

Cơ hội việc làm trong tương lai là khả năng mà người học có được một công việc ổn định và có triển vọng phát triển sau khi ra trường. Theo Lê Thị Thanh Giao và cộng sự (2023), những trường đại học có sự liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp và tạo được nhiều cơ hội thực tập sẽ có sức hút lớn với sinh viên. Tương tự, nghiên cứu của các tác giả Por và cộng sự (2024), Trương Trí Thông và Phan Thành Đạt (2024) cũng cho thấy sự tác động tích cực của yếu tố này đến quyết định chọn trường. Do đó, nghiên cứu đề xuất giả thuyết sau:

H4: Cơ hội việc làm trong tương lai có ảnh hưởng tích cực đến quyết định chọn Trường Đại học Đồng Nai của sinh viên năm thứ nhất.

Nỗ lực truyền thông của nhà trường được hiểu là mức độ nhà trường triển khai các hoạt động truyền thông nhằm quảng bá hình ảnh nhà trường và cung cấp thông tin có giá trị thu hút sinh viên. Đây là một trong những yếu tố thuộc nhóm đặc điểm bên ngoài, đóng vai trò giúp sinh viên có thể tiếp cận và hình thành nhận thức về nhà trường (Chapman, 1981). Đồng thời, theo lý thuyết TPB, sự nỗ lực trong truyền thông sẽ góp phần củng cố niềm tin cho sinh viên, ảnh hưởng đến thái độ và hành vi chọn trường. Nhà trường cần nỗ lực

truyền thông qua mạng xã hội, ngày hội tư vấn tuyển sinh, các hoạt động tham quan trường và xây dựng đội ngũ tư vấn nhiệt tình sẽ giúp sinh viên có ấn tượng tốt về trường (Nguyễn Phước Quý Quang & cộng sự 2021). Các nghiên cứu của Mai Thị Quỳnh Như (2022), Trương Trí Thông và Phan Thành Đạt (2024) đã xác nhận mối quan hệ cùng chiều giữa nỗ lực truyền thông và quyết định chọn trường. Do đó, nghiên cứu đề xuất giả thuyết sau:

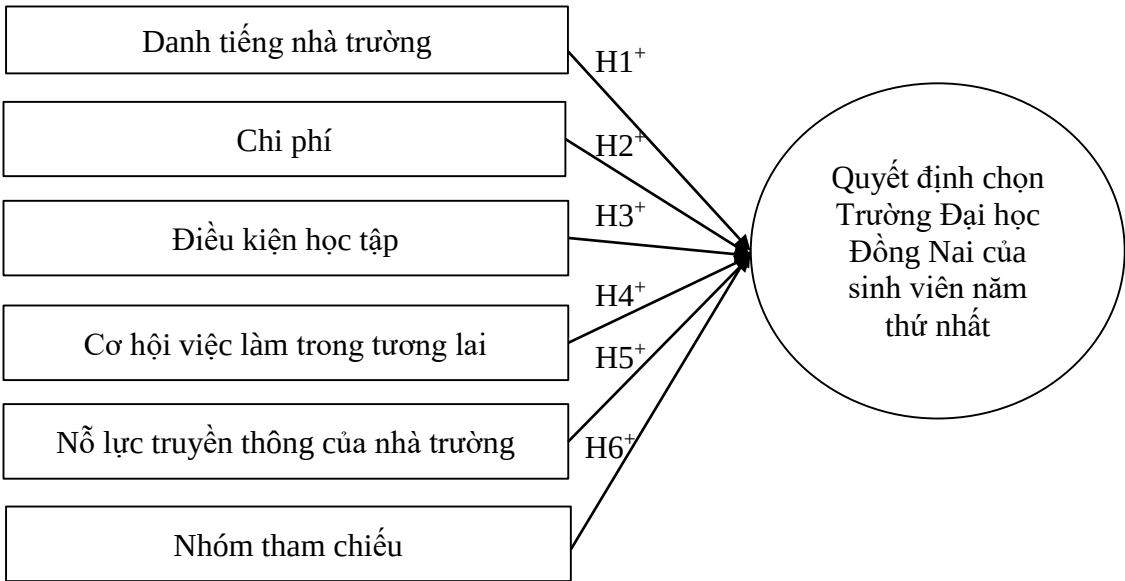
H5: Nỗ lực truyền thông của nhà trường có ảnh hưởng tích cực đến quyết định chọn Trường Đại học Đồng Nai của sinh viên năm thứ nhất.

Nhóm tham chiếu là sự ảnh hưởng của những ý kiến, lời khuyên từ người thân (cha mẹ, bạn bè, thầy cô, các anh chị đã và đang học tại trường). Theo Chapman (1981), mô hình lựa chọn trường đại học của sinh viên và trong thuyết hành vi dự định của Ajzen (1991) – TPB, quyết định chọn trường sẽ bị chi phối mạnh mẽ từ

các tác nhân bên ngoài như gia đình, bạn bè và người thân (nhóm chuẩn chủ quan). Khi người học nhận được sự định hướng hoặc ủng hộ từ nhóm tham chiếu, họ sẽ có định hướng điều chỉnh ý định và hành vi theo các lời khuyên này. Các nghiên cứu của Lưu Chí Danh & Lâm Ngọc Lê (2018), Mai Thị Quỳnh Như (2022) cho thấy nhóm tham chiếu có ảnh hưởng đến quyết định chọn trường của sinh viên. Do đó, nghiên cứu đề xuất giả thuyết sau:

H6: Nhóm tham chiếu có ảnh hưởng tích cực đến quyết định chọn Trường Đại học Đồng Nai của sinh viên năm thứ nhất.

Trên cơ sở lý thuyết, lược khảo các nghiên cứu trước và ý kiến của các đáp viên, mô hình nghiên cứu đề xuất gồm sáu yếu tố: (1) Danh tiếng nhà trường; (2) Chi phí; (3) Điều kiện học tập; (4) Cơ hội việc làm trong tương lai; (5) Nỗ lực truyền thông của nhà trường; (6) Nhóm tham chiếu. Biến phụ thuộc là quyết định chọn trường (hình 1).



Hình 1: Mô hình nghiên cứu do nhóm tác giả đề xuất

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sơ bộ: được thực hiện qua tổng quan lý thuyết và kế thừa những kết quả của những nghiên cứu trước, tiến hành phỏng vấn sơ bộ 10 sinh viên năm thứ nhất và 01 chuyên gia giáo dục để

xây dựng mô hình nghiên cứu và hình thành bảng câu hỏi chính thức.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện, dữ liệu nghiên cứu được thu thập trong khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2026 đến tháng 03 năm

2026, bằng cách khảo sát trực tuyến trên Google forms đối với 305 sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Đồng Nai và thu về 269 phiếu hợp lệ. Theo Hair và cộng sự (2014), cỡ mẫu tối thiểu nên theo tỉ lệ 5:1 để phân tích hồi quy tốt, vậy kích thước mẫu tối thiểu cần thiết cho nghiên cứu này $5 \times 28 = 140$. Do đó, cỡ mẫu khảo sát thu được 269 phiếu là phù hợp cho nghiên cứu này.

Nghiên cứu chính thức: Sử dụng phần mềm thống kê SPSS 20 để phân tích về thống kê mô tả, kiểm định độ tin cậy của thang đo, phân tích nhân tố EFA, phân tích tương quan, phân tích hồi quy tuyến tính, kiểm định T-Test và ANOVA.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thống kê mô tả

Bảng 1: Kết quả thống kê mẫu của sinh viên năm thứ nhất đã tham gia khảo sát

	Đặc điểm	Tần số	%
Giới tính	Nam	48	17,8
	Nữ	221	82,2
Tổng		269	100%
Ngành học	Quản trị Kinh doanh	89	33,1
	Kế Toán	99	36,8
	Ngôn ngữ Anh	3	1,1
	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	2	0,7
	Kỹ thuật Cơ khí	6	2,2
	Giáo dục Mầm non	32	11,9
	Giáo dục Tiểu học	13	4,8
	Sư phạm Toán học	17	6,3
	Sư phạm Ngữ văn	7	2,6
	Sư phạm Tiếng Anh	1	0,4
Tổng		269	100%
Hình thức trúng tuyển vào trường	Xét học bạ	26	9,7
	Điểm thi THPT	243	90,3
	Tuyển thẳng	0	0,0
	Khác	0	0,0
Tổng		269	100%
Nơi cư trú trước khi nhập học	Đồng Nai	244	90,7
	TP. Hồ Chí Minh	12	4,5
	Khác	13	4,8
Tổng		269	100%
Thu nhập bình quân gia đình trên tháng	Dưới 5 triệu	48	17,8
	5 đến 10 triệu	101	37,5
	10 đến 20 triệu	83	30,9
	Trên 20 triệu	37	13,8
Tổng		269	100%

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 20)

Theo kết quả khảo sát của nhóm tác giả (bảng 1), trong 269 phiếu khảo sát hợp lệ có 221 nữ (chiếm 82,2%) và 48

nam (chiếm 17,8%), cho thấy tỉ lệ nữ tham gia khảo sát nhiều hơn nam. Về ngành học, sinh viên tham gia nhiều nhất

là ngành Kế toán (99 người, chiếm tỉ lệ 36,8%), tiếp đó là ngành Quản trị Kinh doanh (89 người, chiếm tỉ lệ 33,1%). Về hình thức trúng tuyển vào trường, đa số sinh viên trúng tuyển vào trường bằng hình thức xét điểm thi THPT (243 người, chiếm tỉ lệ 90,3%), còn lại là xét học bạ (26 người, tỉ lệ 9,7%). Không có sinh viên nào trong mẫu khảo sát trúng tuyển theo hình thức tuyển thẳng và khác, cho thấy phương thức xét tuyển chủ yếu của sinh viên năm thứ nhất khóa 15 là dựa vào điểm thi THPT. Về nơi cư trú trước khi nhập học, chiếm tỉ lệ cao nhất là tại Đồng Nai (244 người, chiếm tỉ lệ 90,7%). Trong khi đó sinh viên đến từ

các địa phương khác chỉ có 13 người (chiếm tỉ lệ 4,8%), Thành phố Hồ Chí Minh có 12 người (chiếm tỉ lệ 4,5%). Điều này chứng tỏ trường đang có thế mạnh để thu hút và đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương. Về thu nhập bình quân của gia đình trên tháng, chủ yếu tập trung ở mức 5-10 triệu đồng/tháng (101 người, chiếm tỉ lệ 37,5 %), mức thu nhập cao 10-20 triệu đồng/tháng (83 người, chiếm tỉ lệ 30,9 %), mức dưới 5 triệu đồng (48 người, chiếm tỉ lệ 17,8%). Còn lại Mức thu nhập trên 20 triệu đồng có 37 người (chiếm tỉ lệ thấp nhất 13,8%).

4.2. Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Bảng 2: Kết quả kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha

Tên biến	Thang đo	Tương quan biến – Tổng hiệu chỉnh	Hệ số Cronbach's Alpha
Danh tiếng nhà trường			
DT1	Trường DNU là một địa chỉ đào tạo uy tín và chất lượng.	0,723	0,850
DT2	Nhà tuyển dụng đánh giá cao về bằng cấp của nhà trường.	0,692	
DT3	Năng lực của sinh viên đã và đang theo học chương trình đào tạo của nhà trường tốt.	0,743	
DT4	Đội ngũ giảng viên có danh tiếng tốt trong ngành học của tôi.	0,604	
Chi phí			
CP1	Trường đại học có học phí hợp lí.	0,612	0,781
CP2	Trường đại học có nhiều chính sách hỗ trợ tài chính (học bổng, trợ cấp, khoản vay ưu đãi...).	0,625	
CP3	Trường đại học có chế độ thu các khoản phí (học phí) linh hoạt.	0,515	
CP4	Khu vực xung quanh trường có chi phí sinh hoạt hợp lí.	0,604	
Điều kiện học tập			
DK1	Tôi chọn trường này vì có nhiều ngành để lựa chọn.	0,678	0,852
DK2	Tôi chọn trường này vì có ngành mà tôi yêu thích.	0,567	
DK3	Tôi chọn học trường này vì có cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ và hiện đại.	0,716	

Tên biến	Thang đo	Tương quan biến – Tổng hiệu chỉnh	Hệ số Cronbach's Alpha
DK4	Tôi chọn học trường này vì hoạt động ngoại khóa ở trường rất sôi nổi và hấp dẫn.	0,738	
DK5	Tôi chọn học trường này vì chuyên ngành phù hợp với năng lực của bản thân.	0,623	
Cơ hội việc làm trong tương lai			
CHVL1	Tỉ lệ sinh viên của trường có việc làm sau khi tốt nghiệp cao.	0,647	0,802
CHVL2	Nhà trường có tổ chức Ngày Hội tuyển dụng/Hội chợ việc làm cho sinh viên tốt nghiệp.	0,678	
CHVL3	Các ngành đào tạo của trường có nhu cầu tuyển dụng cao trên thị trường.	0,620	
Nỗ lực truyền thông của nhà trường			0,847
NL1	Thực hiện quảng cáo cung cấp đầy đủ thông tin về trường qua các phương tiện truyền thông.	0,683	
NL2	Có các hoạt động truyền thông và tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp kịp thời và đúng lúc.	0,677	
NL3	Do đã được đến tham quan trực tiếp tại trường, xem khung cảnh, cơ sở vật chất... được giới thiệu về trường.	0,666	
NL4	Đội ngũ tuyển sinh của trường đã xây dựng hình ảnh đẹp, thu hút, ấn tượng.	0,709	
Nhóm tham chiếu			0,801
CQ1	Chọn học trường theo định hướng và mong muốn của người thân trong gia đình (bố, mẹ, anh, chị,...).	0,497	
CQ2	Chọn học trường này theo lời khuyên của thầy cô trường THPT.	0,673	
CQ3	Chọn học trường này theo ý kiến bạn bè	0,645	
CQ4	Chọn học trường này theo lời khuyên của sinh viên đã và đang học tập tại trường.	0,649	
Quyết định chọn trường			0,836
QĐ1	Tôi chọn học trường này là quyết định đúng đắn.	0,711	
QĐ2	Tôi đã tìm hiểu rất kỹ về trường học mà tôi chọn.	0,661	
QĐ3	Nếu được lựa chọn thay đổi trường học tôi vẫn sẽ chọn học trường này.	0,642	
QĐ4	Tôi sẽ giới thiệu trường của mình đến với những học sinh chuẩn bị dự thi đại học.	0,659	

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 20)

Kết quả phân tích độ tin cậy của thang đo qua hệ số Cronbach's Alpha

(bảng 2) cho thấy trong 6 thang đo có 28 biến quan sát được đưa vào kiểm định, tất cả các biến đều đạt yêu cầu khi hệ số Cronbach's Alpha cao hơn 0,6 và tương quan đều lớn hơn 0,3. Do đó, các biến quan sát này sẽ tiếp tục đưa vào phân tích nhân tố EFA.

4.3. Phân tích nhân tố khám phá

Phương pháp phân tích EFA dùng để

chuẩn hóa dữ liệu, rút gọn các biến quan sát thành các nhân tố có ý nghĩa hơn. Từ kết quả đánh giá độ tin cậy của thang đo, tổng cộng 24 biến quan sát của 6 biến độc lập được tiến hành xoay ma trận. Sau 2 lần xoay, được kết quả 22 biến quan sát đạt giá trị hội tụ (loại 2 biến CP3 và CQ1) và được xếp vào 6 nhóm nhân tố (bảng 3).

Bảng 3: Kết quả phân tích EFA

	Nhân tố					
	1	2	3	4	5	6
DK4	,763					
DK1	,728					
DK3	,720					
DK2	,697					
DK5	,692					
DT3		,820				
DT2		,787				
DT1		,754				
DT4		,683				
NL4			,789			
NL3			,778			
NL1			,761			
NL2			,726			
CQ3				,818		
CQ2				,796		
CQ4				,743		
CP1					,825	
CP4					,734	
CP2					,733	
CHVL3						,778
CHVL2						,776
CHVL1						,771

Hệ số KMO = 0,890

Giá trị P của kiểm định Bartlett's = 0,000

Phần trăm phương sai trích = 69,629% Eigenvalue = 1,242

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 20)

Kiểm định chỉ số KMO = 0,890 vẫn nằm trong khoảng tiêu chuẩn từ 0,5 đến 1,0 nên phân tích EFA là phù hợp với dữ liệu nghiên cứu. Đồng thời kiểm định Bartlett's cho giá trị Chi-Square đạt mức cao và có ý nghĩa thống kê Sig = 0,000 < 0,05, điều

này cho thấy các biến quan sát trong mô hình có mối tương quan đáng kể. Giá trị tổng phương sai trích tích lũy đạt 69,926% (>50%). Qua đó cho thấy 6 nhân tố được rút trích từ nhân tố khám phá EFA có khả năng giải thích tổng

cộng 69,926% mức độ biến thiên của tập dữ liệu, giá trị nhân tố Eigenvalue thấp nhất đạt 1,242 (>1). Các hệ số tải đều lớn hơn 0,5 (hệ số tải nhỏ nhất được giữ lại là 0,683) đáp ứng đủ tiêu chuẩn. Các chỉ

số này cho thấy các biến được giữ lại trong phân tích đều rất quan trọng và có ý nghĩa thực tiễn.

4.4. Phân tích hồi quy

Bảng 4: Kết quả phân tích hồi quy

Biến độc lập	Giá trị chưa chuẩn hóa B	Giá trị đã chuẩn hóa Beta	Giá trị t	Mức ý nghĩa	VIF
(Constant)	0,161		0,786	0,432	
F_DT	0,069	0,069	1,331	0,184	1,590
F_CP	0,038	0,041	0,840	0,401	1,355
F_DK	0,179	0,186	0,409	0,001	1,736
F_CHVL	0,307	0,303	6,040	0,000	1,466
F_NL	0,237	0,246	4,793	0,000	1,540
F_CQ	0,132	0,154	3,122	0,002	1,424
Giá trị R	0,742				
Giá trị R ²	0,551				
Giá trị R ² hiệu chỉnh	0,541				
Giá trị F (trong Anova)	53,543				
Mức ý nghĩa (trong Anova)	0,000				
Hệ số Durbin - Waston	1,842				
a. Biến phụ thuộc: F_QĐ					
b. Biến tiên lượng: F_DK, F_CHVL, F_NL, F_CQ					

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 20)

Bước đầu của quá trình phân tích là kiểm tra độ phù hợp của mô hình thông qua hệ số R² hiệu chỉnh là 0,541 có nghĩa là 6 biến độc lập đưa vào mô hình ảnh hưởng 54,1% sự thay đổi biến phụ thuộc là quyết định chọn trường, còn lại 45,9% do sai số ngẫu nhiên hoặc do ảnh hưởng của các yếu tố không được đưa vào mô hình. Đồng thời, giá trị F là 53,543 với giá trị Sig. của kiểm định F là 0,000 ($<0,005$), cho thấy mô hình hồi quy phù hợp với tổng thể. Như vậy, có ít nhất một biến độc lập trong mô hình có khả năng giải thích có ý nghĩa với sự biến thiên của biến phụ thuộc.

Kết quả ở bảng 4 cho thấy các biến DK (Điều kiện học tập), CHVL (Cơ hội việc làm trong tương lai), NL (Nỗ lực

truyền thông của nhà trường); CQ (Nhóm tham chiếu) đều có giá trị Sig. $<0,05$, các biến này đều có ý nghĩa thống kê trong mô hình và có tác động tích cực đến quyết định chọn Trường Đại học Đồng Nai của sinh viên năm thứ nhất. Các biến còn lại là Danh tiếng nhà trường và Chi phí không có ý nghĩa về mặt thống kê và bị loại khỏi mô hình.

Mặt khác, các hệ số phóng đại phương sai VIF có giá trị < 2 , chứng tỏ mô hình hồi quy này hoàn toàn không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến. Từ kết quả trên, phương trình hồi quy tuyến tính có dạng:

$$\text{Quyết định chọn trường} = F_CHVL*0,303 + F_NL*0,246 + F_DK*0,186 + F_CQ*0,154$$

4.5. Kiểm định T-test và ANOVA

Sau khi phân tích hồi quy, nghiên cứu tiếp tục thực hiện kiểm định T-test

và ANOVA để xem xét sự khác biệt giữa biến định danh với quyết định chọn trường của sinh viên.

Bảng 5: Kết quả kiểm định T-test và ANOVA

Phân tích	Biến phân loại	Thống kê kiểm định	Giá trị p	Kết luận
T-test	Giới tính	$t(267) = -2,23$	0,026	Có khác biệt (Nữ > Nam)
ANOVA	Hình thức TS	$F(1,267) = 0,48$	0,487	Không khác biệt
ANOVA	Ngành học	$F(9,259) = 0,17$	0,997	Không khác biệt
ANOVA	Khu vực	$F(2,266) = 0,01$	0,989	Không khác biệt
ANOVA	Thu nhập	$F(3,265) = 0,46$	0,707	Không khác biệt

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 20)

Kết quả ở bảng 5 cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về giới tính giữa nam và nữ đối với quyết định chọn trường ($t = -2,233$; $\text{Sig.} = 0,026 < 0,05$). Trong khi đó các biến hình thức trúng tuyển, ngành học, nơi cư trú và thu nhập không cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($\text{Sig.} > 0,05$).

4.6. Thảo luận

Danh tiếng nhà trường (DT) không có tác động đến quyết định chọn trường ($H1$, $\text{Sig.} = 0,148 > 0,05$). Kết quả này không tương đồng với các nghiên cứu trước đây của Nguyễn Thị Kim Chi (2018) hay Trương Trí Thông và Phan Thành Đạt (2024). Sự khác biệt này có thể do bối cảnh nghiên cứu khác nhau, khi Trường Đại học Đồng Nai hiện vẫn tập trung vào chất lượng đào tạo hơn là phát triển thương hiệu, cùng với đó là sự thay đổi trong nhận thức của sinh viên năm thứ nhất hiện nay (thế hệ gen Z), các bạn ưu tiên chọn trường khi cảm thấy phù hợp với năng lực và tính cách cá nhân của mình hơn. Điều này cho thấy vai trò của danh tiếng nhà trường có thể thay đổi tùy theo bối cảnh nghiên cứu và đặc điểm của đối tượng khảo sát.

Yếu tố Chi phí (CP) sau khi được phân tích cho ra kết quả về hệ số Beta là $0,038 > 0$, nhưng giá trị $\text{Sig.} = 0,401 > 0,05$, điều này thể hiện biến $H2$ không có ý nghĩa về mặt thống kê với biến phụ thuộc

(QĐ). Kết quả này có sự khác biệt so với xu hướng chung của các nghiên cứu trước đây, điển hình như nghiên cứu của Mai Thị Quỳnh Như (2022), Por và cộng sự (2024). Điều này phản ánh rõ nét đặc thù Trường Đại học Đồng Nai trong hệ thống trường công lập với mức chi phí được điều tiết ổn định theo quy định của Nhà nước, yếu tố chi phí đã trở thành một biến cố định thay vì rào cản hay động lực thúc đẩy lựa chọn. Đồng thời, mẫu khảo sát chủ yếu bao gồm sinh viên trong tỉnh (chiếm 90,7%), việc học tập tại địa phương sẽ giúp tối ưu hóa các chi phí sinh hoạt. Do đó, chi phí không còn tạo ra sự khác biệt đáng kể trong quyết định lựa chọn trường của sinh viên năm thứ nhất.

Điều kiện học tập (DK) có tác động tích cực đến quyết định chọn trường, với mức ý nghĩa 0,001 và giá trị Beta đã chuẩn hóa là $0,186 > 0$. Kết quả nghiên cứu của biến ($H3$) phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Phước Quý Quang và cộng sự (2021), Mai Thị Quỳnh Như (2022), Trương Trí Thông và Phan Thành Đạt (2024), Por và cộng sự (2024), Amelia và cộng sự (2025) khi đều cho rằng điều kiện học tập là nhân tố tác động tích cực và quan trọng trong tâm trí người học khi ra quyết định.

Cơ hội việc làm trong tương lai (CHVL) là yếu tố mạnh nhất có ảnh hưởng

đến quyết định chọn trường (H4) với hệ số Beta là 0,303 (> 0) và Sig.= 0,000. Kết quả này phù hợp với kết quả của các nghiên cứu trước đây như Lưu Chí Danh và Lâm Ngọc Lê (2018), Lê Thị Thanh Giao và cộng sự (2023), Por và cộng sự (2024) đều cho thấy cơ hội việc làm trong tương lai là một trong những biến số quan trọng ảnh hưởng tích cực đến quyết định chọn trường của sinh viên.

Nỗ lực truyền thông của nhà trường có giá trị Sig.= 0,000 và mức Beta đã chuẩn hóa là 0,246 cho thấy biến (H5) có ý nghĩa thống kê với biến phụ thuộc. Kết quả của bài nghiên cứu này phù hợp với kết quả của các nghiên cứu của Mai Thị Quỳnh Như (2022), Trương Trí Thông và Phan Thành Đạt (2024), Amelia và cộng sự (2025) khi cho rằng yếu tố nỗ lực về truyền thông của nhà trường có tác động tích cực đáng kể đến quyết định chọn trường đại học.

Nhóm tham chiếu “Nhóm tham chiếu” có ý nghĩa thống kê ở mức Sig.= 0,002 với giá trị Beta đã chuẩn hóa = 0,154 > 0 , chứng tỏ giả thuyết H6 được chấp nhận và có ảnh hưởng tương đồng đến quyết định chọn trường đại học. Các nghiên cứu của Nguyễn Thị Kim Chi (2018), Nguyễn Phước Quý Quang và cộng sự (2021), Por và cộng sự (2024) cũng đều cho rằng yếu tố nhóm tham chiếu có ảnh hưởng tích cực đến quyết định chọn trường đại học của người học.

Về sự khác biệt giữa các biến định danh đối với quyết định chọn trường cho thấy chỉ có sự phân hóa rõ rệt theo giới tính, khi nữ có mức độ quyết định cao hơn nam (mean 3,6663 $>$ 3,4271), điều này phản ánh đặc điểm tâm lý nhạy bén và sự cẩn trọng của nữ đối với việc đưa ra quyết định. Ngược lại, không có sự khác biệt giữa hình thức trúng tuyển, ngành học, nơi cư trú và mức thu nhập gia đình, phản ánh quyết định chọn trường có xu hướng tương đồng giữa các nhóm đối tượng và cho thấy hoạt động

tiếp cận thông tin và truyền thông của nhà trường có khả năng bao phủ tương đối đồng đều.

5. Kết luận và hàm ý

5.1. Kết luận

Dựa vào kết quả phân tích, trong giai đoạn đầu, mô hình nghiên cứu đề xuất được xây dựng bao gồm sáu yếu tố chính có tác động đến quyết định chọn trường của sinh viên năm thứ nhất, cụ thể: Danh tiếng nhà trường, chi phí, điều kiện học tập, cơ hội việc làm trong tương lai, nỗ lực truyền thông của nhà trường, nhóm tham chiếu. Trong mô hình nghiên cứu này, thang đo được xây dựng với 24 biến quan sát cho biến độc lập và bốn biến quan sát định lượng cho biến phụ thuộc.

Kết quả phân tích chứng minh thang đo đều đạt độ tin cậy cao với hệ số Cronbach's Alpha đều lớn hơn 0,7 đạt trên ngưỡng mức yêu cầu. Tiếp theo, trong phần phân tích nhân tố khám phá EFA, kết quả cho thấy có 22 biến quan sát độc lập được giữ lại (hai biến CP3 và CQ1 bị loại), các biến này được chia thành sáu yếu tố với hệ số tải của từng biến đều lớn hơn 0,3; cho thấy sự đảm bảo về độ tin cậy cũng như mức độ diễn giải các yếu tố trong mô hình.

Tiếp theo, sáu yếu tố này được đưa vào phân tích hồi quy, kết quả nghiên cứu chi tiết cho thấy hai yếu tố như Danh tiếng nhà trường (F_DT) và Chi phí (F_CP) không có tác động đáng kể. Còn lại kết quả nhấn mạnh bốn yếu tố chính ảnh hưởng tích cực đến quyết định chọn trường của sinh viên năm thứ nhất bao gồm Điều kiện học tập (F_DK), Cơ hội việc làm trong tương lai, (F_CHVL), Nỗ lực truyền thông của nhà trường (F_NL) và Nhóm tham chiếu (F_CQ).

Dựa trên kết quả phân tích hồi quy tuyến tính cho thấy quyết định chọn trường của sinh viên năm thứ nhất sẽ chịu ảnh hưởng bởi bốn yếu tố chính và được sắp xếp theo thứ tự giảm dần theo mức tác động như sau: Cơ hội việc làm

trong tương lai (0,303), Nỗ lực truyền thông của nhà trường (0,246), Điều kiện học tập (0,186), Nhóm tham chiếu (0,154). Tổng thể, các yếu tố này đều tạo ảnh hưởng tích cực đến quyết định chọn trường của sinh viên với mức độ tác động (giá trị Beta) dao động trong khoảng 0,154 đến 0,303.

5.2. Kiến nghị

Dựa vào kết quả nghiên cứu và mục tiêu phát triển của Nhà trường, nhóm tác giả đề xuất một số hàm ý quản trị như sau:

Thứ nhất, cơ hội việc làm trong tương lai là yếu tố có tác động mạnh nhất đến quyết định chọn trường của sinh viên năm thứ nhất. Tỷ lệ sinh viên của Trường có việc làm sau khi tốt nghiệp cần được cải thiện thông qua việc thực hiện các khảo sát định kì về tình hình việc làm của cựu sinh viên, hỗ trợ đầu ra qua các mối liên kết giữa Nhà trường với doanh nghiệp và tiến hành thống kê, công bố minh bạch tỉ lệ thành công trong việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp để người học có thể nắm bắt thông tin, thấy rõ tương lai nghề nghiệp và củng cố niềm tin vào Nhà trường.

Thứ hai, nỗ lực truyền thông của Nhà trường cũng là yếu tố không thể thiếu và có tác động tích cực đến quyết định của người học. Nhà trường cần tăng cường các chuyến tham quan, giới thiệu về Trường thông qua việc phối hợp với các trường THPT để trải nghiệm tham quan trường hoặc xây dựng thêm nền tảng tham quan trực tuyến Trường Đại học Đồng Nai (DNU Virtual Tour), cho phép người học trải nghiệm toàn bộ không gian tại Trường. Bên cạnh đó, Nhà trường cần thường xuyên thực hiện quảng cáo cung cấp đầy đủ thông tin về Trường qua các phương tiện truyền thông để người học có thể tiếp cận và cập nhật thông tin cần thiết nhanh chóng và chính xác.

Thứ ba, điều kiện học tập là một yếu tố quan trọng mà gia đình lẫn người học rất quan tâm. Vì vậy, Nhà trường cần tiến hành nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết

bị đầy đủ, hiện đại như cải thiện phòng học, trang thiết bị giảng dạy thông minh, tạo thư viện số để người học có thể truy cập tài liệu dễ dàng. Đồng thời, Nhà trường cần đa dạng ngành học hơn nữa và tăng cường các hoạt động ngoại khóa giúp sinh viên nâng cao mức độ hài lòng về điều kiện học tập tại Trường.

Cuối cùng, mặc dù có ảnh hưởng thấp nhất nhưng nhóm tham chiếu là yếu tố không thể thiếu khi đưa ra quyết định chọn trường của người học. Điều này đến từ sự ảnh hưởng của bạn bè, sinh viên đã và đang học tại trường. Do đó, Nhà trường cần tăng cường hiệu ứng truyền miệng, xây dựng hình ảnh sinh viên tích cực năng động để làm hình mẫu tiêu biểu đại diện Trường. Ngoài ra, cần tạo mối quan hệ bền chặt với giáo viên các trường THPT để có thể dễ dàng hướng nghiệp và tư vấn tuyển sinh cho Nhà trường.

5.3. Hạn chế của nghiên cứu

Nghiên cứu này tập trung vào phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn Trường Đại học Đồng Nai của sinh viên năm thứ nhất với mục tiêu đưa ra các giải pháp giúp nâng cao chất lượng tuyển sinh cho Trường. Nghiên cứu có hạn chế về thời gian và chi phí nên chưa mở rộng trên quy mô lớn. Nhóm tác giả tập trung vào sáu yếu tố phù hợp với bối cảnh, do đó có thể còn các yếu tố khác tác động đến quyết định chọn trường đại học của sinh viên mà nghiên cứu chưa hoàn toàn bao quát hết. Bên cạnh đó, phương pháp khảo sát và phỏng vấn cũng có thể bị sai lệch và tính đại diện mẫu chưa cao. Do sinh viên đã chọn trường và đang học tại trường nên có nguy cơ thiên lệch xác nhận (confirmation bias). Vì vậy, các nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng đối tượng khảo sát sang học sinh THPT, thí sinh đã đăng kí nguyện vọng hoặc người trúng tuyển nhưng không nhập học để tăng tính khách quan.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ajzen, I. (1991). Theory of Planned Behavior – TPB. *Organizational Behavior and Human Decision Process*, 50(2), 179–211.
- Amelia, D., Fawzee Sembiring, B. K., & Dalimunthe, D. M. J. (2025). Determinants of student decisions in choosing a college: A case study, *Journal of Educational Management Research*, 4(6), 2721–2735.
- Chapman, D. W. (1981). A model of student college choice. *The Journal of Higher Education*, 52(5), 490–505.
- Hair, J. F., Black, W. C., Babin, B. J., Anderson & R. E. (2014). *Multivariate Data Analysis* (7th ed.). Pearson Education.
- Por, N., Say, C., & Mov, S. (2024). Factors Influencing Students' Decision in Choosing Universities: Build Brright University Students, *Jurnal As-Salam*, 8(1), 1–15.
- Kotler, P., & Keller, K. L. (2016). *Marketing management* (15th ed.). Pearson Education.
- Lê Thị Thanh Giao, Lê Thị Thanh Xuân, Đoàn Khánh Hưng & Nguyễn Thị Trang. (2023). Các yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn trường đại học của sinh viên Trường Du lịch – Đại học Huế. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 133(6A), 149–168.
- Linh An. (06/01/2026). Hiện cả nước có 238 cơ sở giáo dục đại học, gần 1.200 cơ sở giáo dục nghề nghiệp. *Tạp chí điện tử Giáo dục Việt Nam*. Truy cập ngày 14/1/2026, từ <https://giaoduc.net.vn/hien-ca-nuoc-co-238-co-so-giao-duc-dai-hoc-gan-1200-co-so-giao-duc-nghe-nghiep-post257097.gd>.
- Lưu Chí Danh & Lâm Ngọc Lệ. (2018). Các nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn Trường Đại học Văn Lang của sinh viên năm thứ nhất. *Tạp chí Khoa học Đại học Văn Lang*, (12), 85–93.
- Mai Thị Quỳnh Như. (2022). Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của học sinh trung học phổ thông tại thành phố Đà Nẵng. *Tạp chí Công thương*, (6), 192–197.
- Minh Chi. (29/04/2025). Hơn 1,16 triệu thí sinh đăng ký các môn thi tốt nghiệp THPT 2025 ra sao? *Tạp chí điện tử Giáo dục Việt Nam*. Truy cập ngày 10/1/2026, từ <https://giaoduc.net.vn/hon-116-trieu-thi-sinh-dang-ky-cac-mon-thi-tot-nghiep-thpt-2025-ra-sao-post250968.gd>.
- Nguyễn Phước Quý Quang, Phòng Thị Huỳnh Mai & Thái Ngọc Vũ. (2021). Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn trường đại học của sinh viên năm nhất Trường Đại học Tây Đô. *Tạp chí Nghiên cứu khoa học và Phát triển kinh tế Trường Đại học Tây Đô*, (11), 18-32.
- Nguyễn Thị Kim Chi. (2018). Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn trường Đại học của học sinh phổ thông trung học – Trường hợp Hà Nội [Luận án Tiến sĩ Quản lý kinh tế]. Trường Đại học kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
- Trương Trí Thông & Phan Thành Đạt. (2024). Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường Cao đẳng Kiên Giang của sinh viên. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(1), 35–49.

FACTORS AFFECTING THE DECISION TO CHOOSE DONG NAI UNIVERSITY OF STUDENTS IN THEIR FIRST YEAR

Dinh Thi Kim Yen¹

Bui Ngoc Tuan Anh²

¹Dong Nai University

²Ho Chi Minh City Open University

*Corresponding author: Dinh Thi Kim Yen – Email: dinhthikimyen.dni33@gmail.com

(Received: 16/4/2026, Revised: 28/4/2026, Accepted for publication: 7/5/2026)

ABSTRACT

The competitive context of university admissions in Vietnam is becoming increasingly intense, requiring educational institutions to clearly understand students' choice motivations. Based on a theoretical overview, the study proposes a model consisting of six factors: employment opportunities, learning conditions, school communication efforts, reference groups, school reputation, and tuition fees. Data was collected from 305 first-year students, but only 269 were valid responses through a questionnaire survey, which was analyzed using SPSS software. The results indicate four factors that have a positive and statistically significant impact on school choice decisions: (1) future employment opportunities ($\beta = 0.303$), (2) learning conditions ($\beta = 0.246$), (3) the school's communication efforts ($\beta = 0.186$), and (4) reference groups ($\beta = 0.154$). Employment opportunities are the most influential factor. Tuition fees and school reputation do not show statistically significant effects. Theoretically, the study extends the university choice behavior model to the context of a developing province in Vietnam. In practical terms, the results provide implications to help the school adjust communication strategies, improve learning conditions, and strengthen connections with the labor market to enhance competitiveness in student recruitment.

Keywords: Job opportunities; learning conditions; reference groups; school choice decision; first-year students; Dong Nai University